TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/KDTM-ST
Ngày: 22/10/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 05/2025/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2025/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Đ; địa chỉ: thửa đất số 338, tờ bản đồ số 29, tổ 4, khu phố K, phường B, thành phố U, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1996; địa chỉ: 26 Đại lộ Bình Dương, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 03/6/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH C; địa chỉ: tổ 4, khu phố L, phường K, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1983 và ông Lê Hữu T1, sinh năm 1981; cùng địa chỉ liên hệ: khu phố Đ, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 31/7/2025); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thái Học trình bày:

Ngày 23/01/2025, Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: MĐW/CPP01-2025, theo đó Công ty Đ sẽ cung cấp các sản phẩm ván ép công nghiệp theo đơn đặt hàng của Công ty C.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã nhiều lần giao hàng và xuất hóa đơn, với tổng giá trị hàng hóa là 538.724.736 đồng. Công ty C đã thanh toán 350.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 188.724.736 đồng.

Các bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/3/2025 và Biên bản yêu cầu thanh toán (nhắc nợ lần 2) ngày 03/5/2025, trong đó Công ty C xác nhận và cam kết sẽ thanh toán khoản nợ 188.724.736 đồng chậm nhất vào ngày 09/5/2025. Tuy nhiên, Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền còn lại nhưng không có kết quả nên đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty C có nghĩa thanh toán cho Công ty Đ các khoản tiền gồm:

1. Tiền nợ gốc 188.724.736 đồng;

2. Tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), kể từ ngày 10/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2025) là: 188.724.736 đồng x 0,83%/tháng x 05 tháng 12 ngày = 8.458.642 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ là 197.183.378 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng).

Tại bản tự khai ngày 12/8/2025, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Hữu Tám trình bày: Công ty C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh), những

người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán tiền liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty C có trụ sở hoạt động tại phường K, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty C thanh toán tổng số tiền là 197.183.378 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 188.724.736 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 8.458.642 đồng; bị đơn chỉ trình bày là không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án xác định, giữa Công ty Đ (bên A) và Công ty C (bên B) có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: MĐW/CPP01-2025 ngày 23/01/2025. Theo đó, bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua gỗ tràm xẻ sấy, ván tràm ghép với chi tiết số lượng cụ thể theo từng đơn hàng; đơn hàng qua email, zalo, điện thoại; đơn giá do bên A báo giá bằng văn bản gửi cho bên B; địa điểm giao hàng tại kho bên B; thời gian giao hàng theo từng đơn hàng; phương thức thanh toán, bên B thanh

toán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản khi nhận hàng trong vòng 03 ngày kể từ ngày giao hàng; bên B có thể ứng trước một phần tiền hàng để bên A mua nguyên liệu cưa sẻ sản xuất hàng cho bên B; số tiền ứng này sẽ cấn trừ vào tiền hàng… Kể từ ngày 24/01/2025 đến ngày 12/3/2025, Công ty Đ đã tiến hàng giao hàng hoá cho Công ty C với tổng số tiền 538.724.736 đồng; quá trình giao nhận hàng đều có biên bản giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) gồm: hóa đơn số 00000027 ngày 19/02/2025 (số tiền: 258.907.212 đồng), hóa đơn số 00000037 ngày 28/02/2025 (số tiền: 249.671.160 đồng) và hóa đơn số 00000084 ngày 14/5/2025 (số tiền: 30.146.364 đồng). Trong tổng số tiền hàng nêu trên thì Công ty C đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty Đ số tiền 350.000.000 đồng (bút lục 86), Công ty C còn nợ 188.724.736 đồng và cam kết thanh toán số tiền này vào ngày 09/5/2025 được thể hiện tại Biên bản yêu cầu thanh toán (nhắc nợ lần 2) ngày 03/5/2025 có xác nhận giữa hai Công ty (bút lục 20). Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 188.724.736 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ gốc 188.724.736 đồng (một trăm tám mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), kể từ ngày 10/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2025) là: 188.724.736 đồng x 0,83%/tháng x 05 tháng 12 ngày = 8.458.642 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Theo Biên bản yêu cầu thanh toán (nhắc nợ lần 2) ngày 03/5/2025 có xác nhận giữa hai Công ty (bút lục 20) thể hiện: "*Tính từ ngày 24/01 đến hết ngày 12/3/2025 Công ty C còn nợ Công ty Đ số tiền 188.724.736 VNĐ. Công ty C xin hứa sẽ thanh toán toàn bộ số tiền hàng trên vào ngày 09/5/2025*". Như vậy, việc hai Công ty ký kết văn bản nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật nên có tính ràng buộc các bên thực hiện. Theo thoả thuận thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc cho nguyên đơn vào ngày 09/5/2025, tuy nhiên bị đơn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), kể từ ngày 10/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2025) số tiền 8.458.642 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại và phù hợp với kết quả xác minh lãi suất tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Tân Uyên Bình Dương, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Bình Dương - Phòng giao dịch Tân Uyên và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam Chi nhánh Bình Dương - Phòng giao dịch Tân Uyên nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ với bị đơn Công ty TNHH C về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty TNHH C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền nợ gốc 188.724.736 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) + tiền lãi chậm trả 8.458.642 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng); tổng cộng 197.183.378 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH C phải chịu số tiền 9.859.000 đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 4.914.000 đồng (Bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002834 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Lê